

Tăng tỷ trọng

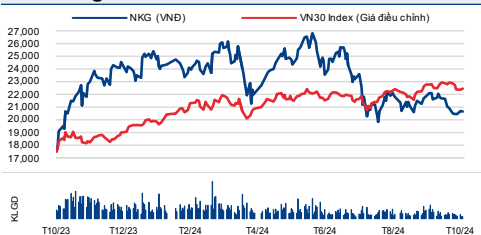
Giá mục tiêu: VNĐ23,900

Tiềm năng tăng/giảm: 15.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2024)	20,650
Mã Bloomberg	NKG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,900-26,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,688
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,437
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	215
Slg CP lưu hành (tr.đv)	263
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	132
Slg CP NN được mua (tr.đv)	96.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	13.2%
Tỷ lệ freefloat	77.1%
Cổ đông lớn	Hồ Minh Quang (11.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	18,596	19,911	22,777
EBITDA đc (tỷ đồng)	749	1,047	1,336
LNTT (tỷ đồng)	177	633	853
LNT ĐC (tỷ đồng)	112	481	648
FCF (tỷ đồng)	138	649	367
EPS ĐC (đồng)	424	1,810	2,439
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	20,598	28,112	30,420
T.trưởng EBITDA (%)	58.9	39.8	27.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	194	327	34.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.03	5.26	5.87
Tỷ suất LNTT (%)	0.95	3.18	3.74
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.63	2.54	3.00
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	76.2	43.0	49.7
ROAE (%)	2.19	7.85	8.77
ROACE (%)	6.90	9.95	11.5
EV/doanh thu (lần)	0.51	0.43	0.41
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.6	8.16	6.98
P/E ĐC (lần)	48.7	11.4	8.47
P/B (lần)	1.00	0.73	0.68
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Tập đoàn Nam Kim là doanh nghiệp lớn thứ hai trong ngành tôn Việt Nam. 60-65% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu và thị trường xuất khẩu chính của NKG bao gồm các nước Đông Nam Á, Mỹ và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: Lợi nhuận tăng 1,7 lần so với cùng kỳ – vượt dự báo nhờ giá bán bình quân tăng

- NKG công bố KQKD Q3/2024 cao hơn kỳ vọng, với lợi nhuận thuần đạt 65 tỷ đồng – tăng 174% so với cùng kỳ từ mức nền thấp và cao hơn dự báo của HSC ở mức 50 tỷ đồng nhờ giá bán bình quân cao hơn dự báo – trên doanh thu thuần 5,2 nghìn tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ).
- Đáng lưu ý, so với quý trước, lợi nhuận thuần Q3/2024 giảm 71% do sản lượng tiêu thụ giảm 10%, chi phí bán hàng & quản lý tăng 9% (do chi phí vận chuyển phục vụ hoạt động xuất khẩu tăng), và lỗ tài chính 58 tỷ đồng (đồng USD mất giá) (Q3/2023: lỗ thuần 6 tỷ đồng).
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, NKG hoàn thành 86% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 3 tháng qua, NKG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 5 năm ở mức 14,3 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

Ngày 30/10/2024, NKG công bố KQKD Q3/2024 cao hơn kỳ vọng, với lợi nhuận thuần đạt 65 tỷ đồng – tăng 174% so với cùng kỳ – trên doanh thu thuần 5,2 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Kết quả trên cao hơn dự báo lợi nhuận thuần của HSC ở mức 50 tỷ đồng nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn dự báo (giá bán bình quân phục hồi tốt), trong khi doanh thu thuần cao hơn 3% so với dự báo của chúng tôi. Lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 đạt 435 tỷ đồng, tăng 358% so với cùng kỳ, hoàn thành 86% dự báo cho cả năm 2024. Chúng tôi thảo luận các nội dung chính bên dưới.

Sản lượng tiêu thụ đẩy doanh thu thuần tăng mạnh

Trong Q3/2024, NKG tiêu thụ tổng cộng 248.609 tấn thép thành phẩm, tăng 20% so với cùng kỳ nhưng giảm 10% so với quý trước (do yếu tố mùa vụ). Kết quả trên đẩy sản lượng tiêu thụ thép trong 9 tháng đầu năm 2024 lên 780.474 tấn, tăng 22% so với cùng kỳ. Giá bán bình quân trong quý đạt 20,87 triệu đồng/tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ và 2,3% so với quý trước, cao hơn dự báo của chúng tôi (dự báo giá bán giảm 3% so với quý trước).

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, NKG

Tăng tốt hơn dự báo nhờ giá bán bình quân tăng

Tỷ đồng	Q3/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	So với cùng kỳ	% dự báo HSC
Doanh thu	5,188	21.7%	-8.3%	16,140	14.2%	81.1%
Lợi nhuận gộp	452	120.4%	-11.8%	1,531	82.5%	
Lợi nhuận gộp "cốt lõi"	452	120.4%	-11.8%	1,531	132.5%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp "cốt lõi"	8.7%	+3.9ppts	-0.3ppts	9.5%	+3.6ppts	
Lãi (lỗ) tài chính ròng	(58)	866.7%	-233.6%	(70)	53.5%	
Chi phí BH&QL	(311)	83.0%	9.4%	(919)	69.8%	
LNTT	82	175.9%	-69.9%	543	269.1%	85.7%
Lợi nhuận thuần	65	174.1%	-70.5%	435	357.7%	85.8%
Lợi nhuận thuần cốt lõi	65	174.1%	-70.5%	435	Đào chiều	85.8%
Dự phòng HTK	0	-	-	0	-100.0%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.2%	+0.6ppts	-2.7ppts	2.7%	+2.0ppts	
Tỷ suất lợi nhuận thuần "cốt lõi"	1.2%	+0.6ppts	-2.7ppts	2.7%	+3.3ppts	

Ghi chú: ppts: điểm phần trăm

Nguồn: NKG, HSC

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu tăng 14% so với cùng kỳ lên 16,1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 81% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi ở mức 19,9 nghìn tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ).

Lợi nhuận thuần Q3/2024 tăng so với cùng kỳ (trên mức nền thấp), nhưng giảm mạnh so với quý trước

Lợi nhuận thuần Q3/2024 của NKG giảm mạnh so với quý trước do nhiều nguyên nhân:

- Sản lượng tiêu thụ giảm 10% so với quý trước (do yếu tố mùa vụ).
- Chi phí bán hàng & quản lý tăng 9% so với quý trước (tăng 83% so với cùng kỳ), chủ yếu do chi phí vận chuyển cho hoạt động xuất khẩu tăng. Kết quả là tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt mức 6% trong Q3/2024, so với mức 5% trong Q2/2024 (Q3/2023: 4%).
- NKG ghi nhận lỗ tài chính 58 tỷ đồng trong Q3/2024 (so với lãi tài chính 44 tỷ đồng trong Q2/2024 và lỗ tài chính 6 tỷ đồng trong Q3/2023) do doanh thu HĐ tài chính giảm 47% so với quý trước (giảm 24% so với cùng kỳ) trong khi chi phí tài chính tăng mạnh 67% so với quý trước (và tăng 40% so với cùng kỳ). Đây là kết quả của việc đồng USD mất giá trong quý.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mạnh so với cùng kỳ, cao hơn các công ty cùng ngành

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q3/2024 tăng 3,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên 8,7% mặc dù giảm nhẹ 0,3 điểm phần trăm so với quý trước. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng so với cùng kỳ đa phần nhờ sản lượng tiêu thụ và giá bán bình quân tăng như chúng tôi đã đề cập ở phần trên. Trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp giảm so với quý trước là do sản lượng tiêu thụ giảm. Tuy nhiên, nếu so sánh với các công ty cùng ngành như HSG (Nắm giữ; giá mục tiêu 21.600đ), tỷ suất lợi nhuận của NKG cao hơn nhờ quản lý chi phí tốt hơn.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 3 tháng qua, NKG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9 lần và P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,7 lần (thấp hơn nhiều so với giá trị sổ sách). Do đó, cổ phiếu đang giao dịch với P/E và P/B thấp hơn nhiều so với bình quân 5 năm lần lượt ở mức 14,3 lần và 1 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu, với tiềm năng tăng giá 16%.

Ở giai đoạn này, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận. Cho năm 2024, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 506 tỷ đồng, tăng trưởng 3,3 lần và doanh thu thuần đạt 19,9 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 7%. Đáng lưu ý, dự báo hiện tại cho năm 2024 của chúng tôi và KQKD Q3/2024 cho thấy lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 72 tỷ đồng (tăng 220% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước) nhờ giá bán bình quân ổn định và chi phí vận chuyển trong xuất khẩu giảm.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ, NKG

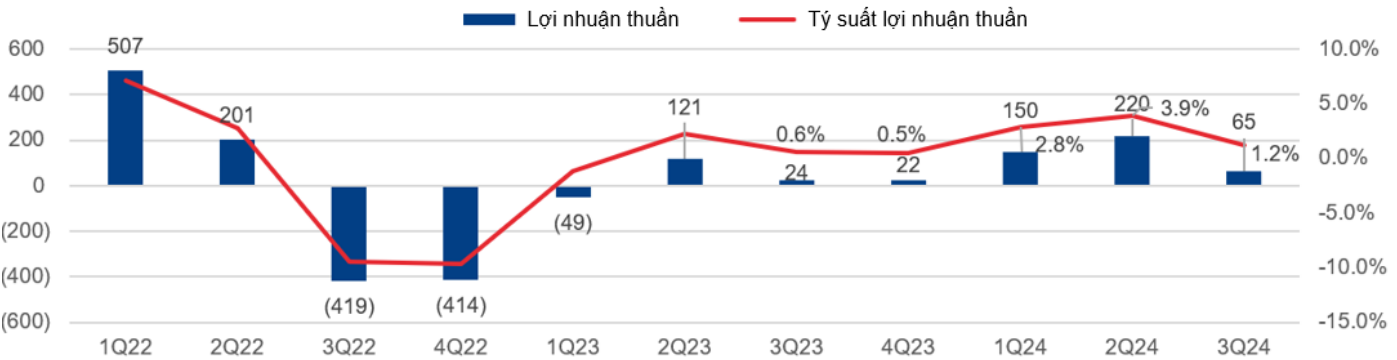
Sản lượng tiêu thụ Q3/2024 tăng 20% so với cùng kỳ nhưng giảm 10% so với quý trước

Tỷ đồng	Q3/2023	Q3/2024	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	9T2023	9T2024	% so với cùng kỳ
Tôn mạ	178,741	215,870	20.8%	-10.2%	536,178	684,231	27.6%
Nội địa	52,832	59,441	12.5%	-12.9%	149,955	182,980	22.0%
Xuất khẩu	125,909	156,429	24.2%	-9.1%	386,223	501,251	29.8%
Ông thép	29,205	32,739	12.1%	-11.6%	102,031	96,243	-5.7%
Nội địa	29,205	32,739	12.1%	-11.6%	102,031	96,243	-5.7%
Xuất khẩu	0	0	-	-	0	0	-
Tổng sản lượng tiêu thụ	207,946	248,609	19.6%	-10.4%	638,209	780,474	22.3%
Nội địa	82,037	92,180	12.4%	-12.4%	251,986	279,223	10.8%
Xuất khẩu	125,909	156,429	24.2%	-9.1%	386,223	501,251	29.8%
Tỷ trọng trên doanh thu	100.0%	100.0%			100.0%	100.0%	
Nội địa	39.5%	37.1%			39.5%	35.8%	
Xuất khẩu	60.5%	62.9%			60.5%	64.2%	

Nguồn: VSA, HSC

Biểu đồ 3: KQKD theo quý, NKG

Mặc dù tăng mạnh so với cùng kỳ song KQKD Q3 kém tích cực so với 6 tháng đầu năm 2024, do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm và chi phí tài chính ròng & chi phí BH&QL tăng



Nguồn: NKG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	23,071	18,596	19,911	22,777	26,452
Lợi nhuận gộp	1,481	1,112	1,799	2,291	2,842
Chi phí BH&QL	(1,388)	(739)	(1,155)	(1,367)	(1,666)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	93.3	373	644	925	1,176
Lãi vay thuần	(200)	(196)	(16.8)	(78.1)	(108)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(0.07)	0.24	5.55	6.46	7.54
LN TT	(107)	177	633	853	1,075
Chi phí thuế TNDN	(17.8)	(59.9)	(127)	(171)	(215)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(125)	117	506	682	860
Lợi nhuận thuần ĐC	(118)	112	481	648	817
EBITDA ĐC	471	749	1,047	1,336	1,738
EPS (đồng)	(474)	446	1,905	2,567	3,237
EPS ĐC (đồng)	(450)	424	1,810	2,439	3,075
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	263	263	266	266	266
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	263	263	266	266	266
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	263	263	266	266	266

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	1,005	785	1,480	1,329	1,546
Đầu tư ngắn hạn	252	290	1,448	724	362
Phải thu khách hàng	1,517	1,927	2,131	2,414	2,777
Hàng tồn kho	7,000	5,719	5,434	5,941	6,611
Các tài sản ngắn hạn khác	641	605	697	797	926
Tổng tài sản ngắn hạn	10,415	9,325	11,189	11,206	12,222
TSCĐ hữu hình	2,484	2,301	2,469	3,995	5,450
TSCĐ vô hình	283	332	339	347	355
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	8.18	3.18	3.18	3.18	3.18
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	271	276	257	235	216
Tổng tài sản dài hạn	3,046	2,913	3,069	4,581	6,025
Tổng cộng tài sản	13,461	12,238	14,258	15,786	18,246
Nợ ngắn hạn	5,111	4,768	4,528	4,712	5,430
Phải trả người bán	2,544	1,631	1,811	2,049	2,361
Nợ ngắn hạn khác	179	178	191	207	226
Tổng nợ ngắn hạn	8,109	6,784	6,758	7,217	8,292
Nợ dài hạn	3.07	2.48	0	456	1,058
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	28.3	27.4	27.4	27.4	27.4
Nợ dài hạn khác	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Tổng nợ dài hạn	32.2	30.8	28.3	484	1,086
Tổng nợ phải trả	8,141	6,815	6,786	7,701	9,378
Vốn chủ sở hữu	5,320	5,423	7,472	8,085	8,868
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	5,320	5,423	7,472	8,085	8,868
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,461	12,238	14,258	15,786	18,246
BVPS (đ)	20,205	20,598	28,112	30,420	33,365
Nợ thuần*/(tiền mặt)	4,109	3,985	3,048	3,838	4,943

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	93.3	373	644	925	1,176
Khấu hao	(378)	(376)	(403)	(412)	(562)
Lãi vay thuần	(200)	(196)	(16.8)	(78.1)	(108)
Thuế TNDN đã nộp	(276)	(7.38)	(127)	(171)	(215)
Thay đổi vốn lưu động	(1,132)	(346)	(27.0)	(921)	(1,170)
Khác	(153)	(419)	(168)	(71.7)	(100)
LCT thuần từ HĐKD	(828)	269	919	440	573
Đầu tư TS dài hạn	(211)	(130)	(270)	(73.2)	(2,022)
Góp vốn & đầu tư	(63.8)	(30.5)	0	0	0
Thanh lý	308	15.0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	32.9	(146)	(270)	(73.2)	(2,022)
Cổ tức trả cho CSH	(219)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	10.0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,268	(309)	46.0	(518)	1,664
Khác	(9.22)	(33.8)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,049	(342)	46.0	(518)	1,664
Tiền & tương đương tiền đầu kì	751	1,005	785	1,480	1,329
LCT thuần trong kỳ	254	(220)	695	(151)	216
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.37)	(0.39)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,005	785	1,480	1,329	1,546
Dòng tiền tự do	(1,039)	138	649	367	(1,448)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.42	5.98	9.04	10.1	10.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.04	4.03	5.26	5.87	6.57
Tỷ suất LNT (%)	(0.54)	0.63	2.54	3.00	3.25
Thuế TNDN hiện hành (%)	(16.6)	33.8	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(18.1)	(19.4)	7.07	14.4	16.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(84.9)	58.9	39.8	27.7	30.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(106)	194	331	34.8	26.1
Tăng trưởng EPS (%)	(105)	194	327	34.8	26.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(105)	194	327	34.8	26.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	(2.26)	2.19	7.85	8.77	10.1
ROACE (%)	1.67	6.90	9.95	11.5	12.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.60	1.45	1.50	1.52	1.55
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(8.88)	0.72	1.43	0.48	0.49
Số ngày tồn kho	118	119	110	106	102
Số ngày phải thu	25.6	40.2	42.9	43.0	42.9
Số ngày phải trả	43.0	34.1	36.5	36.5	36.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	82.1	76.2	43.0	49.7	57.9
Nợ/tài sản (%)	39.9	40.2	32.9	33.9	36.6
EBIT/lãi vay (lần)	0.47	1.90	38.4	11.8	10.9
Nợ/EBITDA (lần)	11.4	6.57	4.48	4.00	3.85
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.28	1.37	1.66	1.55	1.47
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.41	0.51	0.43	0.41	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	20.3	12.6	8.16	6.98	6.00
P/E (lần)	N/a	46.3	10.8	8.04	6.38
P/E ĐC (lần)	N/a	48.7	11.4	8.47	6.71
P/B (lần)	1.02	1.00	0.73	0.68	0.62
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn